

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc dữ kiện, tự làm và ghi cách kiểm; có thể chia bốn nhiệm vụ thành các lần học khác nhau.

Khi dùng vật thật, ghi kết quả đã quan sát và phần được người lớn hỗ trợ; không chép số trong ví dụ làm kết quả của mình.

LƯU Ý CHUNG

Bài 1, 2, 3, 5

Chấp nhận cách làm khác nếu đúng dữ kiện và quan hệ toán học. Để trẻ tự kiểm trước khi gợi ý.

Bài 1 · tr. 01 Một phút và sáu mươi giây

Mục tiêu Nhận giây và đổi 1 phút=60 giây.

Ví dụ Kim giây đi một vòng là 60 giây, ứng với 1 phút. Đồng hồ đếm thời gian cho biết khoảng đã qua, khác thời điểm trên lịch.

Đồng hồ có kim giây hoặc đồng hồ bấm giờ, giấy, bút.

Câu 1 · tr. 01 180 giây.

Câu 2 · tr. 01 4 phút.

Câu 3 · tr. 01 $120+15=135$ giây.

Câu 4 · tr. 01 Theo hoạt động và số đọc thật; có mốc bắt đầu, kết thúc và đơn vị giây.

Bài 2 · tr. 02 Giờ, phút, giây và khoảng thời gian

Mục tiêu Đổi và tính khoảng thời gian với giờ, phút, giây.

Ví dụ 1 giờ 10 phút=70 phút=4200 giây. Khi qua mốc 60, cần đổi đúng đơn vị, không dùng cơ số 100.

Giấy, bút, đồng hồ nếu có.

Câu 1 · tr. 02 80 phút; 4800 giây.

Câu 2 · tr. 02 $140+40+60=240$ giây.

Câu 3 · tr. 02 $300-80=220$ giây.

Câu 4 · tr. 02 1 phút=60 giây nên 1 phút 30 giây=90 giây, không phải 130 giây.

Bài 3 · tr. 02 Một thế kỉ có một trăm năm

Mục tiêu Nhận 1 thế kỉ=100 năm và quan hệ với năm, tháng.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 3 · tiếp tục

Ví dụ Một thế kỉ có 100 năm. Thế kỉ 1 gồm các năm 1–100; thế kỉ 2 gồm 101–200. Trong phạm vi này chỉ xét các năm dương, không có năm 0 trong cách chia mốc. Giấy, bút, bảng mốc năm nếu cần.

Câu 1 · tr. 03 300 năm.

Câu 2 · tr. 03 5 thế kỉ; 24 tháng.

Câu 3 · tr. 03 Kết thúc năm 100; thế kỉ 2 bắt đầu năm 101.

Câu 4 · tr. 03 Mốc 1 đến 100 có 100 năm; 10 năm chỉ là một thập niên, không phải một thế kỉ.

Bài 4 · tr. 03 **Xác định năm thuộc thế kỉ nào**

Mục tiêu Xác định thế kỉ của năm cho trước, kể cả năm tròn trăm.

Ví dụ Các năm 1901–2000 thuộc thế kỉ 20; 2001–2100 thuộc thế kỉ 21.

Giấy, bút; thẻ dữ kiện sự kiện có ghi nguồn năm.

Câu 1 · tr. 03 1900 thuộc thế kỉ 19; 1901 thuộc thế kỉ 20.

Câu 2 · tr. 03 2000 thuộc thế kỉ 20; 2001 và 2026 thuộc thế kỉ 21.

Câu 3 · tr. 03 Thế kỉ 20; 1969 nằm trong 1901–2000. Nguồn năm: NASA.

Câu 4 · tr. 04 1800 thuộc thế kỉ 18(1701–1800); thế kỉ 19 bắt đầu 1801.

Không dùng máy móc hai chữ số đầu cộng 1 cho năm tròn trăm. Chấp nhận viết số thế kỉ bằng chữ số tự nhiên; có thể giới thiệu $20=XX$, $21=XXI$.

Dữ kiện năm 1969 được đối chiếu NASA: <https://science.nasa.gov/moon/missions/>. Chỉ dùng năm để học mốc thế kỉ, không mở rộng yêu cầu lịch sử.

Bài 5 · tr. 04 **Dùng lịch và thời gian trong một việc**

Mục tiêu Kết hợp lịch và đồng hồ để giải một việc có thời gian cụ thể.

Ví dụ Muốn biết một tháng có bao nhiêu ngày, cần đọc đúng tháng và năm; không đổi mọi tháng thành 30 ngày. Thời gian đã qua không mặc định đếm cả hai đầu.

Lịch tháng/năm cụ thể, đồng hồ, giấy, bút.

Câu 1 · tr. 04 29 ngày; ngày 29/2/2028.

Câu 2 · tr. 05 4 ngày: đến 28/2 là 1, 29/2 là 2, 1/3 là 3, 2/3 là 4.

Câu 3 · tr. 05 14 ngày; 36 tháng; 48 giờ.

Câu 4 · tr. 05 Kế hoạch có mốc ngày/tháng/năm và giờ rõ; khoảng thời gian hợp lí; phân biệt dự kiến với việc đã làm. Không khẳng định hoạt động đã xảy ra nếu chưa làm.

LT LT1 · tr. 05 8 giờ 35 phút + 50 phút = 9 giờ 25 phút, vẫn ngày 15 tháng 3 năm 2028.